

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25/7/2018

V/v “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thành Ngọc

2. Ông Võ Quang Truyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị BNC, sinh năm 1984;

Trú tại địa chỉ: Số 39B, ấp TT, xã Trường Hòa, huyện HT, tỉnh TN (có mặt).

* *Bị đơn:* Anh NMT, sinh năm 1979;

Trú tại địa chỉ: Số 42/7, ấp TL, xã TT, huyện HT, tỉnh TN (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2018 và các lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị BNC trình bày:

Chị và anh NMT chung sống vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện HT, tỉnh TN. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng, anh T nghe lời

mẹ, chị không có quyền gì, việc gì cũng do anh T và mẹ chồng quyết định, anh T dùng tiền của vợ chồng xây nhà cho em ruột không hỏi ý kiến của chị, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 11/2016 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con tên NNTV, sinh ngày 28/8/2008 và NGCT, sinh ngày 26/02/2012, các con hiện sống với chị C. Trường hợp ly hôn chị C yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị C trình bày không có.

- Bị đơn – anh NMT khai:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị C về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, vợ chồng chung sống vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện HT. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh làm ăn thất, việc mua nhà đất cho em ruột khoản 1 tỷ anh không hỏi ý kiến của chị C, nhưng vợ chồng không có mâu thuẫn, việc chị C về nhà cha mẹ ruột, anh nghỉ chỉ về thăm nhưng không biết lý do nào chị C không về nhà và trong thời gian sống ly thân anh có đến nhà thăm chị C và con. Xét thấy mâu thuẫn không trầm trọng, anh T còn thương chị C và các con nên anh T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con tên NNTV, sinh ngày 28/8/2008 và NGCT, sinh ngày 26/02/2012. Việc Tòa án giao con cho ai nuôi anh T chưa có ý kiến.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh T trình bày không có.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về người tham gia tố tụng chị C có mặt, anh T vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị BNC với anh NMT.

Về con chung: Giao 02 con tên NNTV, sinh ngày 28/8/2008 và NGCT, sinh ngày 26/02/2012 cho chị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung:

Toà án đã triệu tập hợp lệ anh NMT lần thứ 02 để tham dự phiên tòa, nhưng anh T vắng mặt. Nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị BNC Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị C và anh T chung sống vợ chồng vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện HT, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị C trình bày trong quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T chỉ nghe lời mẹ, việc làm gì cũng không bàn bạc với chị và anh T dùng tiền chung của vợ chồng xây nhà cho em ruột anh T không hỏi ý kiến của chị, từ đó mâu thuẫn lại thêm trầm trọng, chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 11/2016 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh T khai vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ khi làm ăn thất bại nên vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh thừa nhận có dùng tiền của vợ chồng xây nhà cho em ruột mình, mà không hỏi ý kiến của chị C, chị C tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, trong thời gian chị C bỏ đi, anh có qua thăm chị C và 02 con.

[2] Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng của chị C và anh T đã xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế gia đình, việc anh T dùng tiền của vợ chồng xây nhà cho em ruột mình cho nên chị C không đồng ý, cũng như mọi công việc làm ăn anh T không bàn bạc với chị C, mâu thuẫn của chị C và anh T hai bên có bàn bạc nhưng không đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, chị C đã bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 11/2016, anh T có đến nhà thăm nhưng không có kế hoạch đón chị C về tiếp tục chung sống xây dựng lại hạnh phúc. Xét thấy chị C và anh T sống ly thân từ tháng 11/2016, tình cảm không còn, từ đó có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị C và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[3] Về con chung: Có 02 con tên NNTV, sinh ngày 28/8/2008 và NGCT, sinh ngày 26/02/2012, từ khi chị C và anh T sống ly thân, cháu V và cháu T sống với chị C, ý kiến của cháu V muốn sống với chị C, cháu T đang sống với chị C nên cần giao cháu V và cháu T cho chị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị C và anh T trình bày không có.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị BNC đối với anh NMT. Chị C được ly hôn với anh T.

2. Về con chung:

Giao cháu NNTV, sinh ngày 28/8/2008 và NGCT, sinh ngày 26/02/2012 cho chị C trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh T trình bày không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị BNC phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019501 ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN.

Báo cho chị C biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- CC.THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

VÕ THÀNH DIỆP